

Số: /2023/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1073/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Website Chính phủ;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- BCSĐ/UBND Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- Sở, ngành Tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Tháp;
- Báo Đồng Tháp;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- UBND huyện, tp
- Lưu: VT, CTTĐT, NC/KT (VA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phước Thiện

QUY ĐỊNH
XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN VÀ CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY
HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định điều kiện công nhận sáng kiến, các hoạt động xét, công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo các văn bản khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng được công nhận và không được công nhận sáng kiến

1. Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được giải thích theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

2. Đối tượng không được công nhận sáng kiến

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội.

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

c) Sáng kiến đang tranh chấp giữa các tác giả.

d) Sáng kiến được xác định là sao chép của tác giả khác.

đ) Giải pháp trùng hoặc tương tự với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân được quy định bởi cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

Điều 4. Điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

2. Việc đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 4 của của Điều lệ Sáng kiến (Ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ).

Điều 5. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến

a) Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

b) Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: Tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy; hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật);

2. Trong trường hợp sáng kiến có đồng tác giả và số lượng đồng tác giả vượt quá 03 người thì các đồng tác giả phải có bản giải trình nêu rõ nội dung công việc từng người tham gia tạo ra sáng kiến nộp kèm theo đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Cơ sở tiếp nhận đơn phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn.

Điều 6. Nguyên tắc xét, công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến và đánh giá hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

2. Các trường hợp đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật cấp tỉnh, toàn quốc; được tặng Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo của

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; được tặng Bằng Chứng nhận giải thưởng khoa học và công nghệ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định tặng, không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh. Tác giả (đồng tác giả) gửi bản sao các tài liệu, giấy tờ chứng minh một trong các tiêu chuẩn quy định tại điều này và gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng.

3. Sáng kiến đề nghị xét, công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng ở cấp cao hơn thì phải được công nhận và đề nghị của cấp dưới.

Chương II

CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Mục 1. YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 7. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đối với giải pháp chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử, tác giả (đồng tác giả) có quyền nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến vào bất cứ thời điểm nào từ khi tạo ra sáng kiến. Tuy nhiên, cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn chỉ tổ chức xét công nhận sáng kiến sau khi giải pháp đó được đưa vào áp dụng hoặc áp dụng thử.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ công nhận Sáng kiến (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) và được hướng dẫn chi tiết như sau:

a) Thời hiệu để xác định quyền yêu cầu công nhận sáng kiến được tính kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu tiên (nếu sáng kiến trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên) và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm kế tiếp năm sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu;

b) Cơ sở có quyền từ chối tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi tác giả (đồng tác giả) nộp sau thời hiệu quy định tại Điểm a, Khoản này.

3. Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm pháp luật dự kiến các đối tượng áp dụng bắt buộc phải thực hiện thì tác giả (đồng tác giả) phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành để đảm bảo tính mới theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

4. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả (đồng tác giả) tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu

năm dương lịch hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 8. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả tạo ra sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 9. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến ra Thông báo từ chối chấp nhận đơn hợp lệ, Thông báo từ chối công nhận sáng kiến hoặc Quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến, tác giả sáng kiến có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của cơ sở đó sửa đổi, bổ sung đơn.

2. Việc sửa đổi, bổ sung không được làm thay đổi bản chất của giải pháp nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến ban đầu. Nếu việc sửa đổi, bổ sung

đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm thay đổi bản chất sáng kiến thì tác giả phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu.

3. Việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do tác giả chủ động thực hiện hoặc theo yêu cầu của cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 11. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này khi nhận được yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng các quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Việc cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả được biết.

Điều 12. Đánh giá đối tượng nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ; Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và Điều 2, Điều 4 của Quy định này.

2. Để đánh giá tính mới của giải pháp nêu trong đơn, trước hết phải tiến hành tra cứu ở các nguồn thông tin sau đây:

a) Tất cả các hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đã được cơ sở tiếp nhận và có ngày nộp đơn sớm hơn;

b) Các văn bản, sách, tác phẩm báo chí, tài liệu kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, các báo cáo khoa học, báo cáo kết quả của các chương trình, đề tài nghiên cứu và các tài liệu khác thuộc cùng lĩnh vực áp dụng sáng kiến đã được công bố trước thời điểm tác giả nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong phạm vi cơ sở.

3. Mục đích của việc tra cứu thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này là tìm giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp nêu trong đơn, trong đó:

a) Hai giải pháp được coi là trùng nhau khi có tất cả các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau;

b) Hai giải pháp được coi là tương tự nhau khi có phần lớn các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản trùng nhau hoặc tương đương, có thể thay thế được cho nhau.

4. Khi tiến hành tra cứu theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải tiến hành so sánh các dấu hiệu hoặc đặc điểm cơ bản của giải pháp nêu trong đơn với các dấu hiệu của giải pháp đối chứng được tìm thấy trong quá trình tra cứu thông tin, trong đó:

a) Dấu hiệu cơ bản của giải pháp có thể là đặc điểm về chức năng, công dụng, cấu tạo, liên kết, thành phần cùng với các dấu hiệu cơ bản khác tạo thành một tập hợp cần và đủ để xác định bản chất, nội dung của đối tượng;

b) Các dấu hiệu cơ bản của giải pháp nêu trong các tài liệu khác được thể hiện và phát hiện theo tài liệu mô tả hoặc dạng thể hiện thực tế của giải pháp đó.

5. Kết luận về tính mới của giải pháp nêu trong đơn

a) Giải pháp nêu trong đơn được coi là có tính mới nếu không tìm thấy giải pháp đối chứng trong quá trình tra cứu thông tin hoặc có tìm thấy giải pháp đối chứng nhưng giải pháp nêu trong đơn có ít nhất một dấu hiệu cơ bản không có mặt trong giải pháp đối chứng và dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu cơ bản khác biệt;

b) Giải pháp nêu trong đơn được coi là không có tính mới nếu tìm thấy giải pháp có bản chất tương tự hoặc trùng lặp với giải pháp đó theo quy định tại Khoản 3 Điều này và phải thống kê được các giải pháp đối chứng tìm thấy, chỉ rõ các dấu hiệu trùng nhau, tên tài liệu đối chứng, số trang, số dòng, nguồn gốc tài liệu và ngày công bố của tài liệu tương ứng.

6. Trường hợp cần thiết phải tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cơ sở có thể tra cứu từ cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp có tại Cục Sở hữu trí tuệ và các nguồn thông tin khác do Cục Sở hữu trí tuệ quy định, có thể tham khảo trên Trang thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ tại địa chỉ: <http://www.noip.gov.vn> hoặc có thể thông qua đơn vị có chức năng tư vấn về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để hỗ trợ tra cứu về thông tin này.

Điều 13. Đánh giá về hiệu quả áp dụng sáng kiến

Đánh giá hiệu quả áp dụng sáng kiến theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP:

1. Trường hợp giải pháp nêu trong đơn chỉ là ý tưởng mang tính đề xuất, chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở thì chưa thể xem xét công nhận là sáng kiến.

2. Trường hợp giải pháp nêu trong đơn đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở thì đánh giá khả năng mang lại lợi ích thiết thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 4 của Quy định này, bằng cách so sánh hiệu quả khi áp dụng sáng kiến so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết.

3. Trường hợp sáng kiến là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó thì cần phải đánh giá rõ hiệu quả áp dụng sáng kiến khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết.

4. Trường hợp áp dụng sáng kiến mang lại hiệu quả về mặt kinh tế thì việc xác định tiền làm lợi từ áp dụng sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

5. Cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh thực tế hiệu quả áp dụng giải pháp được mô tả trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

Mục 2. TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 14. Thời hạn xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ và giải pháp nêu trong đơn đã được hoặc đang được áp dụng; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và thực hiện theo quy định này cụ thể như sau:

a) Trường hợp khi chấp nhận đơn hợp lệ mà trước đó tác giả đã hoàn thành việc áp dụng sáng kiến lần đầu thì việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày kế tiếp của ngày chấp nhận đơn đến ngày tương ứng của 3 tháng sau;

b) Trường hợp tại thời điểm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ nhưng giải pháp nêu trong đơn chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử thì việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện khi giải pháp đó đã được đưa vào áp dụng hoặc áp dụng thử và thời hạn xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày kế tiếp của ngày hoàn thành việc áp dụng sáng kiến lần đầu đến ngày tương ứng của 3 tháng sau;

c) Nếu tháng kết thúc thời hạn quy định tại Điểm a và b Khoản này không có ngày tương ứng thì thời hạn kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó;

d) Khi ngày cuối cùng của thời hạn quy định tại Điểm a và b Khoản này là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

Điều 15. Thành lập Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và thực hiện theo quy định này cụ thể như sau:

a) Tác giả (đồng tác giả) của giải pháp yêu cầu công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến;

b) Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến không có đủ chuyên môn để đánh giá giải pháp nêu trong đơn có thể mời chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng.

2. Chuyên gia được mời tham gia Hội đồng sáng kiến phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người có mối quan hệ như: Bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột, bên vợ, bên chồng của tác giả (đồng tác giả);

b) Không phải là người đã từng có khiếu nại, tố cáo đối với tác giả (đồng tác giả);

c) Là người có chuyên môn cao phù hợp với lĩnh vực áp dụng sáng kiến, trong đó ưu tiên người có trình độ từ bậc đại học trở lên và không thấp hơn so với trình độ chuyên môn của tác giả (đồng tác giả);

d) Việc áp dụng giải pháp nêu trong đơn không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chuyên gia đó;

đ) Là người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến.

3. Thành phần của Hội đồng sáng kiến

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến; trường hợp người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến, thì Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu cơ sở được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở hoặc có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu cơ sở được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở hoặc có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến và do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định;

c) Các Ủy viên còn lại gồm các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Thư ký là người được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở.

4. Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 đến 11 thành viên do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

5. Bộ phận được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở có trách nhiệm tham mưu công tác tiếp nhận, xử lý các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để tham mưu cho Hội đồng Sáng kiến và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến.

a) Tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Xem xét đánh giá hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để tham mưu cho thủ trưởng cơ sở công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Tham mưu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến ở sở;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng Sáng kiến.

7. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng sáng kiến

a) Nghiên cứu hồ sơ các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến trước khi diễn ra phiên họp của Hội đồng;

b) Tham dự đầy đủ phiên họp của Hội đồng; trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét chấp thuận và phải gửi phiếu nhận xét, đánh giá các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến trước khi diễn ra phiên họp để Hội đồng có cơ sở xem xét; khi cử người dự họp thay phải được Chủ tịch Hội đồng chấp thuận và người dự họp thay phải có trách nhiệm truyền đạt đầy đủ ý kiến nhận xét, đánh giá của thành viên vắng mặt nhưng không được quyền tham gia bỏ phiếu;

c) Tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo chuyên môn, lĩnh vực công tác phụ trách tại các phiên họp Hội đồng và ghi rõ kết quả nhận xét, kết quả đánh giá đối với từng giải pháp trong Phiếu nhận xét, đánh giá; việc nhận xét, đánh giá các giải pháp phải khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả xét công nhận sáng kiến trước khi Hội đồng ban hành biên bản kỳ họp; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng nội dung sáng kiến trái với quy định của pháp luật;

đ) Thư ký có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ sáng kiến và các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng; ghi chép diễn biến cuộc họp trong đó thể hiện đầy đủ ý kiến của các thành viên dự họp và tổng hợp kết quả bỏ phiếu xét công nhận sáng kiến để dự thảo biên bản cuộc họp trình Hội đồng thông qua tại mỗi phiên họp; tham mưu cho Hội đồng lập báo cáo theo quy định tại Điểm b, Khoản 6 Điều này;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến, kiến nghị và đề xuất của mình; đồng thời chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng, trừ trường hợp đã đề nghị bảo lưu ý kiến khác với kết luận của Hội đồng;

g) Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công.

8. Thẩm quyền Chủ tịch Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức và chỉ đạo mọi hoạt động của Hội đồng;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng.

c) Quyết định triệu tập các cuộc họp của Hội đồng;

d) Chủ trì, kết luận các phiên họp Hội đồng;

đ) Tạm dừng phiên họp Hội đồng khi chưa có đủ cơ sở công nhận hay từ chối công nhận sáng kiến hoặc có trên 1/3 số thành viên Hội đồng vắng mặt tại phiên họp;

e) Thay mặt Hội đồng ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền.

9. Thẩm quyền của Phó Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến

a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo chuẩn bị nội dung cho các phiên họp Hội đồng;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức, điều hành các phiên họp và xem xét các báo cáo, tài liệu đưa ra thảo luận tại mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Thực hiện thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền chủ trì phiên họp của Hội đồng hoặc được người có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến giao nhiệm vụ này.

10. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Giải pháp khi đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng đồng ý bằng hình thức bỏ phiếu kín;

d) Bản sao nội dung các sáng kiến và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời gian họp Hội đồng.

11. Trình tự làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng và báo cáo tính hợp lệ của Hội đồng theo quy định.

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền chủ trì phiên họp, yêu cầu Thư ký nêu tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng và báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; báo cáo tóm tắt nội dung các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến;

c) Các thành viên Hội đồng và các đại biểu dự họp (nếu có) xem xét nội dung các sáng kiến và xem xét báo cáo của Thư ký để thảo luận, đánh giá các giải pháp theo quy định;

d) Thư ký phát phiếu nhận xét, đánh giá giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến để các thành viên Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín;

đ) Các thành viên Hội đồng làm việc độc lập trong quá trình ghi phiếu nhận xét, đánh giá và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng về kết quả đánh giá của mình;

e) Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả kiểm phiếu và kết luận cuộc họp.

12. Hội đồng sáng kiến được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Kết quả xét công nhận sáng kiến được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị sau thời hạn 15 ngày nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác về kết quả đó thì đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở phải có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và quy định cụ thể sau đây:

a) Với mỗi Sáng kiến được công nhận, các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN được cấp 01 Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến và không cấp lại; trường hợp Sáng kiến có đồng tác giả thì mỗi đồng tác giả được cấp 01 bản có giá trị như nhau;

b) Giấy chứng nhận Sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN;

2. Kết quả xét công nhận sáng kiến phải được cơ sở thông báo bằng văn bản cho tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận sáng kiến thì phải nêu rõ lý do.

Điều 17. Huỷ bỏ việc công nhận Sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền huỷ bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Trước khi ra quyết định huỷ bỏ kết quả công nhận Sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở có thể thành lập và tổ chức họp Hội đồng sáng kiến để xem xét tham mưu giải quyết và mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả (đồng tác giả) dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý;

2. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng;

3. Khi quyết định huỷ bỏ kết quả công nhận Sáng kiến, Thủ trưởng cơ sở phải thu hồi và huỷ bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận Sáng kiến đã cấp cho tác giả (đồng tác giả); thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả (đồng tác giả) và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, huỷ bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả (đồng tác giả) được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 18. Xét công nhận Sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở

1. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận Sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) Sáng kiến thì phải được đánh giá thông qua Hội đồng Sáng kiến của cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này và trước khi quyết định công nhận Sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó hoặc Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trường hợp Sáng kiến được tạo ra không sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của Nhà nước và người đứng đầu cơ sở cơ sở xét công nhận Sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) Sáng kiến thì Sáng kiến đó phải được đánh giá thông qua Hội đồng Sáng kiến của cơ sở đó và trước khi quyết định công nhận Sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định sau đây:

a) Trường hợp tác giả (đồng tác giả) sáng kiến là người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Bí thư cấp uỷ cấp huyện và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì kết quả xét công nhận Sáng kiến ở cơ sở phải được trình lên Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét chấp thuận thông qua Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh;

b) Trường hợp tác giả (đồng tác giả) Sáng kiến là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, bí thư Đảng uỷ cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì kết quả xét công nhận Sáng kiến ở cơ sở phải được trình lên Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét chấp thuận thông qua Hội đồng Sáng kiến cấp huyện;

c) Các trường hợp khác do cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ sở đó xem xét chấp thuận.

3. Hồ sơ đề nghị xét chấp thuận kết quả xét công nhận Sáng kiến cho các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận Sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) quy định tại Khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 19. Thẩm quyền xét công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Trường hợp Sáng kiến đã được một cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó có thẩm quyền tổ chức đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả áp dụng, mức độ ảnh hưởng của sáng kiến trong phạm vi quản lý để thực hiện các quy định liên quan.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tổ chức đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến được áp dụng ở cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có thẩm quyền đánh giá, xem xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền.

4. Trường hợp sáng kiến đã được công nhận bởi các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì việc xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến do cơ quan cấp trên của các cơ quan, đơn vị đó xem xét đánh giá.

Điều 20. Xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện

1. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn huyện, thành phố để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thì phải được cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan thường trực Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của Thủ trưởng cơ sở gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Sao y bản chính Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;
- c) Sao y bản chính Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;

d) Sao y bản chính Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến trong trường hợp Sáng kiến đã được đánh giá thông qua Hội đồng này;

đ) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng Sáng kiến về hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi hiệu quả của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);

e) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

2. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy định này.

b) Đã được một cơ sở trên địa bàn cấp huyện quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến;

c) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn cấp huyện hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác ngoài phạm vi cơ sở xét công nhận Sáng kiến;

d) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) trên địa bàn cấp huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có thẩm quyền thành lập Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện.

4. Thành phần Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao phụ trách lĩnh vực Khoa học và Công nghệ; trường hợp những người này đều là đồng tác giả của sáng kiến thì Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phụ trách lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

c) 01 Ủy viên là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; 01 Ủy viên là Lãnh đạo Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; 01 ủy viên là Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các ủy viên còn lại là các chuyên gia, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

d) Thư ký Hội đồng là cán bộ, công chức của cơ quan quy định tại Khoản 8 Điều này được giao nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến.

đ) Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 hoặc 9 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

5. Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Cơ quan thường trực Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện là phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố. Cơ quan này có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận các hồ sơ Sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng;
- b) Tham mưu thành lập Tổ chuyên môn hoặc mời chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến tham gia Hội đồng;
- c) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
- d) Lập báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý các hồ sơ sáng kiến và tổng hợp các hồ sơ sáng kiến cùng các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng;
- đ) Tham mưu tổ chức các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Chủ tịch Hội đồng;
- e) Công bố công khai kết quả đánh giá của Hội đồng trên Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trên các phương tiện truyền thông khác có liên quan để các tổ chức, cá nhân có liên quan thuận tiện khi có nhu cầu phản hồi (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến);
- g) Được sử dụng con dấu của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Nhiệm vụ của Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở cấp huyện:

- a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi theo quy định tại Khoản 3 Điều này để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;
- b) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện xét chấp thuận kết quả xét công nhận sáng kiến cho các tác giả (đồng tác giả) theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 18 Quy định này;
- c) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng cấp huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng phân công.

9. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại Khoản 10, Khoản 11 Điều 15 Quy định này.

10. Sau khi kết thúc 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai thông tin theo quy định, nếu không có tổ chức, cá nhân nào phản đối kết quả đánh giá của Hội đồng thì cơ quan thường trực có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan Thường trực Hội đồng;
- b) Báo cáo đánh giá của Hội đồng; trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu;
- c) Biên bản họp Hội đồng;
- d) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các sáng kiến được Hội đồng thông qua;
- đ) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

11. Khi nhận được hồ sơ quy định tại Khoản 10 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến. Giấy chứng nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo.

12. Kết quả xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 21. Xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp

Trường hợp các cơ sở trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh đáp ứng quy định tại Điều 8 Quy định này đã tổ chức xét công nhận sáng kiến thì có thẩm quyền xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và được thực hiện như sau:

1. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp để thực hiện các quy định liên quan đến sáng kiến thì phải được cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của Lãnh đạo cơ sở gửi Lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên;
- b) Sao y bản chính Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;
- c) Sao y bản chính Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;
- d) Sao y bản chính Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến trong trường hợp Sáng kiến đã được đánh giá thông qua Hội đồng này;
- đ) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng Sáng kiến về hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi hiệu quả của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);
- e) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

2. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy định này.
- b) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn cấp huyện hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác ngoài phạm vi cơ sở xét công nhận sáng kiến;
- c) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có thẩm quyền thành lập Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

4. Thành phần Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp;
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Công đoàn cơ sở;
- c) Các uỷ viên còn lại là các chuyên gia, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;
- d) Thư ký Hội đồng là cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 8 Điều này được giao nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến.
- đ) Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 7 hoặc 9 thành viên.

5. Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp được sử dụng con dấu của sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp:

a) Tham mưu cho Lãnh đạo xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng nhân rộng để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp xem xét quyết định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

7. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng phân công.

8. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại Khoản 10, Khoản 11 Điều 15 Quy định này.

9. Sau khi kết thúc 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai thông tin theo quy định, nếu không có tổ chức, cá nhân nào phản đối kết quả đánh giá của Hội đồng thì bộ phận tham mưu có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp xem xét quyết định. Hồ sơ trình Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp gồm:

a) Báo cáo đánh giá của Hội đồng; trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu;

b) Biên bản họp Hội đồng;

c) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận;

d) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

10. Khi nhận được hồ sơ quy định tại Khoản 9 Điều này, Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến. Giấy chứng nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo.

11. Kết quả xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phải được Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 22. Xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh và toàn quốc

1. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy định này;

b) Đã được một cơ sở trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 8 Quy định này công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến;

c) Trường hợp cơ sở nêu tại Điểm b Khoản này là cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thì phải được thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến đó theo quy định tại Điều 20, 21 Quy định này;

d) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh;

đ) Hiệu quả áp dụng sáng kiến ở cơ sở là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, xứng đáng vinh danh, nêu gương tác giả (đồng tác giả) trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp tác giả (đồng tác giả) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên phạm vi toàn quốc thì ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tác giả (đồng tác giả) phải chứng minh được sáng kiến đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã được phổ biến, áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn quốc;

b) Đã được chuyên gia áp dụng hiệu quả tại ít nhất 02 cơ sở ở địa phương khác nhau ngoài phạm vi tỉnh;

c) Có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trên phạm vi toàn quốc.

3. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được cấp có thẩm quyền quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của cấp có thẩm quyền;

b) Sao y bản chính Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến đã nộp ở cơ sở;

c) Sao y bản chính Quyết định công nhận sáng kiến và Giấy chứng nhận Sáng kiến do Thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 8 Quy định này cấp;

d) Sao y bản chính Quyết định và Giấy chứng nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

đ) Sao y bản chính Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến của cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến quy định tại Điều 6 Quy định này trong trường hợp sáng kiến đã được đánh giá thông qua Hội đồng này;

e) Sao y bản chính Biên bản họp Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến của cấp có thẩm quyền quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

g) Ý kiến đánh giá bằng văn bản của cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến về hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của giải pháp nêu trong đơn (nếu có);

h) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có thẩm quyền thành lập Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 19 Quy định này.

5. Tổ chức của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh được giao phụ trách lĩnh vực Khoa học và Công nghệ; trường hợp những người này đều là đồng tác giả của sáng kiến thì Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phụ trách lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến; Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì, điều hành các phiên họp của Hội đồng;

b) 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách lĩnh vực Sở hữu trí tuệ;

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nội vụ;

d) Các Ủy viên gồm: Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh; lãnh đạo phòng chuyên môn của sở Khoa học và Công nghệ có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến;

đ) Thành viên chuyên ngành: Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định mời các chuyên gia, nhà khoa học và các thành phần khác có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng;

e) Thư ký Hội đồng do chuyên viên bộ phận chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về hoạt động sáng kiến kiêm nhiệm.

g) Việc mời chuyên gia trong lĩnh vực áp dụng sáng kiến tham gia làm thành viên Hội đồng áp dụng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 của Quy định này;

6. Số lượng các thành viên Hội đồng có từ 09 hoặc 11 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.

7. Cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận các hồ sơ sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh để tổng hợp, phân loại, xem xét, đánh giá sơ bộ;

b) Mời một số thành viên chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng Sáng kiến;

c) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 3, Điều này;

d) Lập báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý các hồ sơ sáng kiến và tổng hợp các hồ sơ sáng kiến cùng các tài liệu có liên quan để gửi tới các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi tổ chức họp Hội đồng;

đ) Tham mưu tổ chức các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh và Chủ tịch Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh;

e) Được sử dụng con dấu của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận những sáng kiến tiêu biểu, có mức độ ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả sáng kiến thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tổng hợp kết quả đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét quyết định;

c) Bảo mật thông tin về các sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh;

d) Thực hiện quy trình làm việc theo quy định tại Khoản 11 Điều này và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

9. Thẩm quyền và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Khoản 8 và Khoản 9 Điều 15 Quy định này. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên này do Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh phân công.

10. Chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng tại mỗi phiên họp áp dụng theo quy định tại Khoản 10 và Khoản 11 Điều 15 Quy định này.

11. Tham mưu giúp Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh xây dựng và ban hành quy trình và phương pháp đánh giá hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố công khai những thông tin sau đây trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc của Ủy ban nhân dân Tỉnh và trên các phương tiện truyền thông khác có liên quan để các tổ chức, cá nhân có liên quan thuận tiện khi có nhu cầu phản hồi:

a) Kết quả đánh giá của Hội đồng;

b) Nội dung các sáng kiến đã được Hội đồng công nhận (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến);

c) Thông tin liên hệ của cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh.

13. Sau khi kết thúc 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai thông tin theo quy định tại Khoản 12 Điều này, nếu không có tổ chức, cá nhân nào phản đối kết quả đánh giá của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng này để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Biên bản họp Hội đồng, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu; trường hợp cơ quan thường trực Hội đồng có quan điểm khác với kết quả đánh giá của Hội đồng thì phải gửi kèm theo báo cáo phân tích làm rõ những nội dung có liên quan để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét;

c) Dự thảo Quyết định và Giấy chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn Tỉnh đối với các sáng kiến được Hội đồng thông qua;

d) Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

14. Khi nhận được hồ sơ quy định tại Khoản 13 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho các tác giả (đồng tác giả) của sáng kiến đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định. Giấy chứng nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo.

15. Kết quả xét công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh phải được Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản điện tử đã được ký số cho cơ sở và tác giả (đồng tác giả) được biết; trường hợp từ chối công nhận thì phải nêu rõ lý do.

Điều 23. Huỷ bỏ kết quả công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của Sáng kiến có thể xem xét huỷ bỏ kết quả này khi cơ sở công nhận Sáng kiến đã huỷ bỏ việc công nhận Sáng kiến theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

2. Hồ sơ đề nghị huỷ bỏ kết quả công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến gồm có:

- a) Tờ trình của cơ sở đã huỷ bỏ việc công nhận sáng kiến;
- b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền huỷ bỏ kết quả này;
- c) Các tài liệu chứng minh cho việc huỷ bỏ công nhận sáng kiến (nếu có).

3. Việc xem xét huỷ bỏ kết quả công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến có thể áp dụng theo quy định tại Điều 17 Quy định này và các quy định hiện hành.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 24. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến; thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

Được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 25. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ sở có sáng kiến được công nhận có trách nhiệm định kỳ 06 tháng một lần báo cáo tình hình công nhận sáng kiến cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở có trụ sở để theo dõi và hỗ trợ phổ biến sáng kiến.

2. Các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực và địa bàn do mình quản lý bằng các biện pháp sau:

a) Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ sở khác trên địa bàn;

b) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

Điều 26. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Liên đoàn Lao động Tỉnh, Tỉnh đoàn và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân

các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

- a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo;
- b) Phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

3. Các cơ sở công nhận sáng kiến, các Sở, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có thể áp dụng các biện pháp nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, như:

- a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả, nhóm tác giả sáng kiến;
- b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động sáng kiến và biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến.

1. Nội dung, mức chi thực hiện các hoạt động sáng kiến và biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 256/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguồn kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

a) Triển khai tổ chức, hướng dẫn thực hiện các hoạt động xét công nhận sáng kiến;

b) Chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện việc xét các yêu cầu công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến phạm vi toàn Tỉnh.

c) Tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ Sáng kiến.

d) Xem xét, quyết định chấp thuận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất, kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến;

đ) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến; hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Cục Sở hữu trí tuệ) và Ủy ban nhân dân Tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì hướng dẫn thực hiện chi tiết việc khen thưởng, xét tặng danh hiệu thi đua trên cơ sở các sáng kiến đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng.

b) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc xét, khen thưởng đối với các tác giả có sáng kiến mang lại hiệu quả, nâng cao năng suất lao động của cơ quan, đơn vị trong tỉnh phù hợp với quy định của Điều lệ Sáng kiến.

b) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn việc xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm cơ sở xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành.

3. Liên đoàn Lao động Tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Tỉnh đoàn

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến gắn với phong trào lao động sáng tạo tại địa phương;

b) Tổ chức các hội thi, cuộc thi, triển lãm kết quả lao động sáng tạo để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Điều lệ Sáng kiến, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12 hàng năm.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến của đơn vị, địa phương theo quy định.

4. Sở Tài chính

Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Những nội dung khác liên quan hoạt động sáng kiến mà không quy định chi tiết tại Quy định này được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.